

Kích thích năng lực tư duy cho người học

Bùi Thị Hương*

Khoa Sư phạm, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Nhận ngày 13 tháng 6 năm 2007

Thời đại mới là thời đại của những năng lực cá nhân. Muốn có được những cá nhân mạnh để dân tộc mạnh, ngành giáo dục cần đặc biệt chú ý đến nhiệm vụ phát động năng lực tiềm ẩn bên trong người học. Một trong những phương pháp tích cực để khai thác năng lực tiềm ẩn ấy, đó là *phương pháp kích thích năng lực tư duy cho người học*.

Để kích thích năng lực tư duy, người dạy phải biết tạo nên bốn phương diện trong người học, đó là:

1) Tạo cho người học niềm say mê, hứng thú qua hoạt động học tập. 2) Làm cho người học nhận rõ tương lai của bản thân phụ thuộc có tính chất quyết định vào trình độ học vấn và các tri thức có được qua hoạt động học tập của họ. 3) Tạo ra khả năng biết nỗ lực cá nhân ở người học, khả năng khắc phục những lỗ hổng kiến thức của mình qua hoạt động học tập. 4) Từng bước làm cho người học biết kết quả của nỗ lực cá nhân được biểu hiện thành bước tiến trong trình độ tư duy của chính họ.

Muốn kích thích bốn phương diện tinh thần của người học, người dạy cần chú ý tới các điều kiện sau: năng lực người học, năng lực người dạy, nội dung dạy học, môi trường và trình độ văn minh của thời đại.

Trong thời kinh tế tri thức với xu hướng toàn cầu hoá, năng lực tư duy của con người trở thành một tài sản vô giá. Nhưng muốn có được tài sản quý báu này không phải dễ dàng, bởi tài năng mà con người có được chỉ là 1% do bẩm sinh, còn 99% do lao động sáng tạo. Với toàn bộ cơ sở trên, việc tìm tòi và đề cao *phương pháp kích thích năng lực tư duy*, biến năng lực tư duy trở thành *tố chất* riêng cho người học và biết đặt *tố chất* đó vào bối cảnh của thời đại văn minh số phải là *một ý thức thường trực* trong đổi mới phương pháp dạy học hiện nay.

Thời đại mới là thời đại của những năng lực cá nhân. Một cộng đồng mạnh cũng là một cộng đồng gồm nhiều cá nhân mạnh. Một dân tộc mạnh cũng phải là một dân tộc gồm nhiều con người có đầu óc năng động, sáng tạo. Nhưng muốn có được những con người như thế, ngành giáo dục cần đặc biệt chú ý đến nhiệm vụ phát động năng lực tiềm

ẩn bên trong người học. Một trong những phương pháp tích cực để khai thác năng lực tiềm ẩn ấy, đó là *phương pháp kích thích năng lực tư duy cho người học*.

Kích thích là một quá trình tác động bằng một loạt các yếu tố có điều kiện nhằm tạo ra những chuyển biến tích cực ở đối tượng để đạt được một số yêu cầu nhất định. Kích thích năng lực tư duy vì vậy là một quá trình tác động bằng một loạt các yếu tố có đặc trưng thuộc lĩnh vực tinh thần của đối tượng.

* ĐT: 84-4-5632098

Email: bthuong@vnu.edu.vn

Để kích thích năng lực tư duy cho người học, người dạy phải biết tạo nên bốn phương diện tinh thần trong người học, đó là:

Tạo cho người học niềm say mê, hứng thú qua hoạt động học tập.

Làm cho người học nhận rõ hạnh phúc, tương lai của bản thân phụ thuộc có tính chất quyết định vào trình độ học vấn và các tri thức có được qua hoạt động học tập của họ.

Tạo ra khả năng biết nỗ lực cá nhân ở người học, khả năng khắc phục những lỗ hổng kiến thức của mình qua hoạt động học tập.

Từng bước làm cho người học thấy rõ kết quả của nỗ lực cá nhân được biểu hiện thành bước tiến trong trình độ tư duy của chính họ.

Muốn kích thích bốn phương diện tinh thần của người học, người dạy cần chú ý tới các điều kiện: Năng lực người học, năng lực người dạy, nội dung dạy học, môi trường và trình độ văn minh của thời đại.

1. Năng lực người học

Bất cứ một hoạt động sư phạm nào cũng cần phải sắp xếp năng lực của người học. Căn cứ để phân loại năng lực của người học được đánh giá qua các kỳ thi. Ở phổ thông, việc phân loại học sinh thường dựa trên kết quả các bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, toàn học kỳ hay toàn năm học để sắp xếp học sinh vào các lớp học, cấp học. Một lớp học có năng lực người học tương đối đồng đều thì việc tiến hành các thao tác sư phạm sẽ có nhiều thuận lợi. Tuy nhiên, trên thực tế ở các trường phổ thông hiện nay vẫn còn tình trạng ngổn nhâm lớp. Một lớp học có thể bao gồm nhiều người học với các năng lực quá chênh lệch nhau làm cho quá trình thao tác sư phạm của người dạy gặp rất nhiều khó khăn.

Năng lực người học là một khái niệm không đơn giản. Đó là một tổ hợp cấu trúc đa tuyến có thể kể đến các thành tố trong cấu trúc đó như sau:

Năng lực là trình độ người học đạt đến một học vấn nhất định.

Năng lực là khát vọng, ý chí vươn lên của người học sẵn sàng đón nhận kiến thức mới.

Năng lực là khả năng biến *Tri* thành *Hành* tức là biết dùng vốn tri thức đã thu nạp được để giải quyết các yêu cầu thực tiễn theo luật tối ưu.

Như vậy, năng lực là khả năng bên trong của mỗi con người, khả năng tạo ra một sức mạnh vượt trội với nhóm, với cộng đồng, biết làm chủ bản thân và lôi cuốn người khác vào hoạt động đạt hiệu quả cao. Chính vì thế, đứng trước hoạt động dạy học, người thầy không thể không xem xét đến người học đang ở khởi điểm nào, các vốn tri thức của họ có đủ để tiếp nhận những kiến thức mới hay không?. Ngoài ra, người dạy còn phải biết người học có khát vọng, có ý thức trách nhiệm muốn vươn lên tiếp nhận những hiểu biết mới như thế nào?. Tất cả những căn cứ trên là cơ sở khoa học giúp giáo viên tìm ra phương pháp dạy học cho phù hợp với người học để đạt được hiệu quả cao.

2. Năng lực người dạy

Cần đề phòng xu hướng muốn hạ thấp vai trò của người dạy. Câu nói "*không thầy đố mày làm nên*" của người xưa vẫn còn giá trị. Trong giáo dục, ngày nay ai cũng nhớ đến thầy Platon, thầy Arixtôt của thời cổ đại Hy Lạp và thầy Chu Văn An của Việt Nam. Muốn có trò giỏi thì trước hết phải có thầy giỏi (*Phạm Văn Đồng*).

Trong quá trình dạy học, người thầy luôn đi cùng với người học, đảm nhiệm vai trò hướng dẫn, giúp đỡ người học thu nạp những kiến thức mới vào kho tàng tri thức của họ. Người thầy phải là người có ba loại vốn lớn:

Vốn tri thức chuyên môn vượt cấp so với người học.

Vốn kinh nghiệm sư phạm đạt đến một nghệ thuật giảng dạy bậc cao.

Vốn mở rộng tri thức, gợi mở cảm hứng sáng tạo cho người học

2.1. Vốn tri thức chuyên môn vượt cấp

Trước đây ở nước ta, thầy cấp III dạy trò cấp II. Thầy cử nhân trò đại học. Trong giáo dục lúc đó có câu nói vui về trình độ thầy trò là trình độ "com chấm com". Ngày nay, muốn dạy tiểu học cũng phải có trình độ cao đẳng, đại học trở lên. Ở trường Đại học Sư phạm đã có khoa "Đại học tiểu học". Còn ở các trường đại học, hầu hết các giảng viên phải có trình độ thạc sĩ trở lên. Cử nhân giỏi giữ lại trường chỉ được làm việc vụ trợ lý.

2.2. Vốn kinh nghiệm sư phạm

Vốn kinh nghiệm sư phạm là khả năng hướng dẫn người học tiếp nhận, xử lý các tri thức lĩnh hội một cách khoa học và đạt hiệu quả cao. Dân gian có câu "Thầy già, con hát trẻ", ý nói: thầy lâu năm mới có kinh nghiệm dạy người học. Trái với lĩnh vực nghệ thuật, nghệ sĩ trước hết phải trẻ, đẹp, duyên dáng (Thanh - Hương - Sắc).

Như vậy trong lĩnh vực giáo dục, vốn kinh nghiệm sư phạm tuy được trang bị trong nhà trường sư phạm, nhưng chủ yếu vẫn là vốn tự có mà người thầy tích lũy được qua nhiều năm hành nghề. Ở đây, vốn kinh

nhệm sư phạm được đánh giá không chỉ bởi số năm lên lớp của người giáo viên, mà còn bằng cả sáng kiến, tâm huyết nghề nghiệp, ý chí liên tục vươn lên của người thầy. Vốn kinh nghiệm sư phạm còn mang tính chất là một ẩn số nằm trong lòng tự trọng của người thầy. Đây là một tâm lý hết sức quan trọng, thậm chí có tính chất thiêng liêng đôi với người dạy; bởi không thầy cô giáo nào lại muốn bị học sinh coi thường. Muốn vậy, không còn con đường nào khác là phải giỏi (giỏi cả kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm). Đây là một động cơ tự nhiên xuất phát từ tận đáy lòng của người dạy. Chính vì thế để phấn đấu trở thành giáo viên dạy giỏi, người thầy đã phải dầy công luyện tập, tự học, tự nghiên cứu trau dồi chuyên môn của mình và tích cực học hỏi đồng nghiệp. Những lớp tập huấn theo chuyên đề hàng năm do Bộ, sở Giáo dục tổ chức là một trong những hình thức góp vào vốn kinh nghiệm của người dạy, nâng cao năng lực của người dạy lên không ngừng.

2.3. Vốn mở rộng tri thức, gợi mở cảm hứng sáng tạo cho người học

Trong giáo dục có một vốn cực kỳ quan trọng của người dạy là "khả năng mở rộng tri thức, gợi mở cảm hứng sáng tạo cho người học". Vốn này có tác dụng lớn đôi với việc kích thích năng lực tư duy cho người học bởi "Học đi đôi với hành" mà Hành là sáng tạo.

Xôcrát, Nhà triết học Cổ đại Hy Lạp đã lưu ý thầy cô giáo cũng như lưu ý toàn xã hội năm chữ: "Tri - Hành - Đức công chính"[1]. Tri là tri thức có được do học tập; Hành là hoạt động vận dụng tri thức vào giải quyết các tình huống cụ thể. Đức công chính là ý thức tuân thủ những luật lệ của cộng đồng, ý thức không được vi phạm pháp luật, không ảnh hưởng tới người

khác khi thực thi hành động của cá nhân. Năm chữ này đều đòi hỏi sự vận dụng sáng tạo ở mỗi người.

Để gợi mở cảm hứng sáng tạo cho người học, người dạy cần biết kích thích khả năng tiềm tàng trong người học; bởi lẽ nhận thức bằng lý tính chỉ đem lại một số vốn tri thức nhất định, còn cảm hứng đưa đến sáng tạo lại song hành bên cạnh nhận thức lý tính mà người ta quen gọi là *cảm nhận*. Xét về phương diện nhận thức, nhận thức lý tính có thành tựu cao nhất mới đạt được ở thế kỷ XVII thời của Descartes với câu châm ngôn: "*Tôi tư duy, vậy tôi tồn tại*"; còn nhận thức bằng con đường cảm nhận lại có tuổi đời với bề dày hàng triệu năm gắn liền với tuổi đời của cả nhân loại. Chẳng thế mà sau nhiều năm trăm trở kiếm tìm quy luật về sức đẩy của nước, Acsimet vẫn chưa tìm ra bằng con đường duy lý. Nhưng chỉ một lần khi ngâm mình trong bồn nước, Ông bỗng cảm thấy tự bên trong cái sức đẩy kỳ lạ tác động lên cơ thể của mình, và cứ thế một cách hồn nhiên như trẻ nhỏ, Ông chạy ra đường và reo lên: "*Ôrêca*" (tìm ra rồi). Từ đó định luật nổi tiếng này mang chính tên Ông: *định luật Acsimet*

Xem thế, người dạy giỏi là người biết huy động ở người học cùng một lúc hai loại tư duy: *Tư duy lý tính và tư duy cảm nhận*. Nếu cấp cho người học toàn tư duy lý tính thì người học có khả năng bắt chước tốt, nhưng sáng tạo kém. Cảm nhận có thể coi là "*giác quan thứ sáu*". Để người học có cảm nhận tốt, người dạy cần có *năng lực tạo gợi cảm, tạo say mê (Passion), tạo hứng thú* cho người học nghĩa là, trong bài dạy phải tạo được âm hưởng, tạo ngọn lửa bên trong khát vọng hướng thượng truyền đến người học. Điều này trong giáo dục của chúng ta còn đang bỏ ngỏ.

3. Nội dung dạy học

Nội dung dạy học gắn liền với mục đích, nhiệm vụ của cả người dạy lẫn người học. Nội dung dạy học chính là khối lượng, chất lượng tri thức cần chuyển vào "*kho tiếp nhận của người học*" để họ thực thi nhiệm vụ thực tiễn của cuộc sống đặt ra hoặc sáng tạo cái mới. Chính vì thế, nội dung dạy học phải phù hợp với năng lực sở trường của người học bởi nếu không nó sẽ trở thành vật cản trong sự chuyển giao tri thức giữa người dạy và người học. Sự không phù hợp của nội dung dạy học sẽ làm cho người học coi thường, chủ quan (*nếu nội dung dạy học là quá dễ*) hoặc làm người học mất hứng thú do khó khăn trong tiếp nhận (*vì nội dung quá cao, quá nặng*). Một nội dung dạy học phù hợp với người học cần được xác định theo nguyên tắc "*duới chân*" nghĩa là người học luôn luôn phải có độ cố gắng, nỗ lực của bản thân thì nhất định sẽ đạt được hiệu quả cao trong học tập.

Ở nhà trường phổ thông, nội dung dạy học các môn học ở từng cấp, từng lớp học đã được Bộ Giáo dục, Sở Giáo dục quy định theo chương trình, sách giáo khoa thống nhất trong toàn quốc. Tuy nhiên với mỗi người học, nội dung ấy lại hoàn toàn khác nhau bởi tính chất các vùng, các miền, thậm chí ở trình độ và năng lực của mỗi người ngay trong cùng một lớp. Do đó, muốn có được nội dung dạy học tốt phù hợp với người học cần đòi hỏi năng lực sáng tạo ở người thầy. Ở đây, nội dung dạy học được người thầy sáng tạo qua nghệ thuật dẫn dắt học sinh tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề, vận dụng tri thức của mình vào giải quyết tình huống thực tiễn một cách thông minh, hiệu quả. Nghệ thuật ấy có một sức mạnh như một hiệu ứng làm bùng sáng trí tuệ của người học trong cảm nhận vốn tri thức vừa mới lĩnh hội được như nó là

vốn của mình, ngay trong tâm khảm mình, mà nay mình mới phát hiện ra. Chính điều đó đã kích lệ tính tích cực, chủ động hơn nữa của người học trên con đường khám phá chân lý đã có và kiếm tìm chân lý mới.

4. Môi trường dạy học

Trong cùng quá trình dạy học cả người dạy và người học đều hoạt động trong một môi trường nhất định. Môi trường ở đây đơn giản có thể hiểu như “*Cá với nước*”. Tuy nhiên, khái niệm môi trường đã được Quốc hội thông qua ngày 27/12/1993 trong luật bảo vệ môi trường có nội dung như sau: “*Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhằm tạo quan hệ mật thiết với nhau bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và tự nhiên*” [2].

Định nghĩa này mới nói tới không gian địa lý nơi con người sinh sống đồng thời cũng nói đến toàn bộ điều kiện vô cơ, hữu cơ liên quan đến hoạt động sinh tồn, tự bảo tồn và giao tiếp của cơ thể sống. Song, môi trường dạy học không hoàn toàn như trên bởi môi trường dạy học là môi trường *nhân học văn hoá*. Khái niệm *môi trường nhân học văn hoá* đã được tập thể tác giả cuốn *Cơ sở lý luận Văn hoá Mác - Lênin* do AI.Acnônđốp chủ biên, bản dịch NXB Văn hoá 1983 viết như sau: “*Môi trường văn hoá là một tổng thể ổn định những yếu tố vật chất và nhân cách, nhờ đó các cá nhân tác động lẫn nhau, chúng ảnh hưởng tới hoạt động khai thác và sáng tạo giá trị văn hoá, tới nhu cầu tinh thần, hứng thú và định hướng giá trị của họ. Môi trường văn hoá không chỉ là tổng thể hợp nhất những yếu tố văn hoá vật thể mà còn có những con người hiện diện văn hoá*” [3].

Với cơ sở lý luận trên, khi đặt môi trường dạy học vào nhân học văn hoá ta có định nghĩa mới “*Môi trường dạy học là một tổng thể những yếu tố vật chất và nhân cách. Ở đó, thầy trò tương tác lẫn nhau trong suốt quá trình chuyển giao và khám phá các kiến thức mới, với giá trị ngày càng gia tăng; đồng thời đặt nền tảng đạo đức để đào tạo nhân lực có trình độ học vấn, có nhân cách cao đẹp.*” Trong khái niệm môi trường dạy học cần chú ý đến đẳng cấp của môi trường. Người học được học trong môi trường đẳng cấp cao (trường có danh tiếng) tự nó sẽ là động lực kích thích năng lực tư duy của người học để phấn đấu đảm bảo danh tiếng cho trường cũng như cho chính bản thân họ. Chính vì thế, trong ngành sư phạm luôn luôn có nhu cầu xây dựng các trường đẳng cấp cao; từ đó tạo nên một độ chênh cần thiết để thúc đẩy sự phấn đấu của các trường và người học.

Trong thời kinh tế tri thức với xu hướng toàn cầu hoá, khả năng tư duy của con người trở thành một tài sản vô giá. Nhưng muốn có được tài sản quý báu này không phải dễ dàng, bởi tài năng mà con người có được chỉ là 1% do bẩm sinh, còn 99% do lao động sáng tạo. Với toàn bộ cơ sở trên, việc tìm tòi và đề cao *phương pháp kích thích năng lực tư duy*, biến năng lực tư duy trở thành *tố chất* riêng cho người học và biết đặt *tố chất* đó vào bối cảnh của thời đại văn minh số phải là *một ý thức thường trực* trong đổi mới phương pháp dạy học hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Văn Khang, *Lịch sử Mỹ học Cổ đại Hy Lạp*, NXB Văn hóa, 1983, tr.127.
- [2] Luật môi trường - Quốc hội thông qua 27/12/1993, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.
- [3] Acnônđốp, *Cơ sở lý luận Văn hoá Mác-Lênin*, NXB Văn hoá, 1983.

Stimulating the learner's thinking ability

Bui Thi Huong

*Faculty of Education, Vietnam National University, Hanoi
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

This is the era of individual ability. To have competent individual to strengthen the nation, the education branch should exploit the potential ability in the learners. One of the positive methods to do it is stimulating the learners' thinking ability. To stimulate that ability, educators should create four aspects in the learners as listed below: 1) Create the fascination in the learners through study activities. 2) Help the learners be aware that their future depends decisively on their cultural standard and science knowledge acquired through study activities. 3) Help the learners know how to motivate themselves and how to fill the holes in their knowledge through study activities. 4) Help the learners know gradually about the result made by their own efforts which are shown in their progress of thinking ability.

To stimulate the four mental aspects of the learners, educators should pay attention to the following conditions: learners' ability; teachers' qualification; education content; education environment and the civilization of the era.

In the era of intellect economy, together with the trend of globalization, the thinking ability of each individual has been considered as priceless treasure. However, it is not easy to obtain this treasure because the talent is often 1% gifted, while the other 99% gained by hard work. On all the basis above, the searching for and appreciating of and personalizing the methods for stimulating thinking ability in the learners, and putting it into the perspective of a civilized era should be a constant thought in the current teaching method reform.